TÁC ĐỘNG CỦA RỦI RO ĐỊA CHÍNH TRỊ QUỐC TẾ ĐẾN LỢI NHUẬN VÀ SỰ ỔN ĐỊNH CỦA HỆ THỐNG NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI VIỆT NAM

ThS. Phạm Thị Lâm Anh*

Trong bối cảnh toàn cầu hóa ngày càng sâu rộng, rủi ro địa chính trị (Geopolitical Risk - GPR) đã nổi lên như một nhân tố ngoại sinh quan trọng có khả năng tác động mạnh mẽ đến hoạt động của khu vực tài chính - ngân hàng. Việt Nam, vừa là một quốc gia có độ mở nền kinh tế cao, đồng thời có hệ thống ngân hàng lại đóng vai trò chủ đạo chi phối. Vì vậy, nghiên cứu đã sử dụng phương pháp ước lượng System Generalized Method of Moments (SGMM) để đánh giá những tác động của rủi ro địa chính trị đến hoạt động của 28 ngân hàng thương mại (NHTM) Việt Nam giai đoạn 2013-2024. Kết quả nghiên cứu cho thấy rủi ro địa chính trị có giảm khả năng sinh lời của các NHTM trong khi làm tăng sự ổn định của các ngân hàng này. Kết quả này giúp gợi mở các chính sách cho cả các NHTM và ngân hàng nhà nước (NHNN).

• Từ khóa: *rủi ro địa chính trị, GPR, lợi nhuận ngân hàng, ổn định ngân hàng, SGMM, Việt Nam.*

In the context of intensifying globalization, Geopolitical Risk (GPR) has emerged as a critical exogenous factor with the potential to exert a profound impact on the banking and financial sector. Vietnam represents an economy characterized by high trade openness, where the banking system maintains a dominant and governing role. Consequently, this study employs the System Generalized Method of Moments (SGMM) estimation technique to evaluate the effects of geopolitical risk on the operations of 28 Vietnamese commercial banks over the 2013-2024 period. The empirical findings indicate that while geopolitical risk adversely affects the profitability of these commercial banks, it simultaneously enhances their stability. These results provide significant policy implications for both commercial banks and the State Bank of Vietnam.

• Key words: *geopolitical risk, GPR, bank profitability, bank stability, SGMM, Vietnam.*

Ngày nhận bài: 23/3/2026
Ngày gửi phản biện: 26/4/2026
Ngày duyệt đăng: 18/5/2026

DOI: https://doi.org/10.71374/jfarv.v26.i313.55

1. Giới thiệu

Hệ thống ngân hàng đóng vai trò là xương sống của mọi nền kinh tế hiện đại, thực hiện chức năng trung gian tài chính thiết yếu bằng cách phân bổ vốn từ các chủ thể tiết kiệm sang các chủ thể đầu tư. Sự ổn định và hiệu quả hoạt động của khu vực ngân hàng không chỉ ảnh hưởng trực tiếp đến tăng trưởng kinh tế mà còn là điều kiện tiên quyết để duy trì ổn định tài chính vĩ mô (Bucevska & Hadzi Misheva, 2017; Menicucci & Paolucci, 2016).

Trong bối cảnh toàn cầu hóa ngày càng sâu rộng, rủi ro địa chính trị (Geopolitical Risk - GPR) đã nổi lên như một nhân tố ngoại sinh quan trọng có khả năng tác động mạnh mẽ đến hoạt động của khu vực tài chính - ngân hàng. Rủi ro địa chính trị được hiểu là sự gia tăng xác suất hoặc sự xuất hiện của các xung đột vũ trang, căng thẳng chính trị quốc tế, các cuộc tấn công khủng bố và sự leo thang của các mối đe dọa quân sự giữa các quốc gia (Caldara & Iacoviello, 2022). Những biến cố như vậy không chỉ tạo ra bất ổn trực tiếp cho thị trường tài chính mà còn lan truyền qua nhiều kênh gián tiếp, bao gồm sự biến động của giá dầu, gián đoạn chuỗi cung ứng toàn cầu, thay đổi tâm lý nhà đầu tư và gia tăng chi phí huy động vốn của các định chế tài chính.

Thế giới giai đoạn 2022-2024 chứng kiến sự leo thang chưa từng có của các rủi ro địa chính trị, từ cuộc xung đột Nga-Ukraine, căng thẳng leo thang ở Trung Đông, đến cạnh tranh chiến lược Mỹ-Trung về công nghệ và thương mại (Grébel & Pesuth, 2024). Trong bối cảnh đó, Việt Nam - một nền kinh tế mở với kim ngạch xuất nhập khẩu chiếm hơn 180% GDP và hệ thống ngân hàng đóng vai trò kênh dẫn vốn chủ đạo - không thể tránh khỏi những tác động gián tiếp của các bất ổn địa chính trị quốc tế. Chỉ số GPR toàn cầu tăng mạnh trong giai đoạn này đã làm phức tạp thêm môi trường hoạt động của các ngân hàng thương mại (NHTM) Việt Nam thông qua nhiều kênh khác nhau: biến động tỷ giá, gián đoạn dòng vốn đầu tư nước ngoài, suy giảm nhu cầu xuất khẩu và gia tăng chi phí nhập khẩu nguyên liệu đầu vào.

** Học viện Ngân hàng; email: lamanh@hvnh.edu.vn*

Mặc dù đã có một số lượng đáng kể nghiên cứu quốc tế về tác động của GPR đến hệ thống ngân hàng (Banna et al., 2023; Phan et al., 2022; Olalere & Mukuddem-Petersen, 2024; Trinh & Tran, 2023), các nghiên cứu tập trung vào bối cảnh Việt Nam còn rất hạn chế. Hệ thống ngân hàng Việt Nam có đặc thù riêng: mức độ tập trung cao, tỷ lệ vốn của nhà nước còn lớn, và hành lang pháp lý đang trong quá trình hoàn thiện hướng tới chuẩn mực Basel III. Những đặc điểm này có thể tạo ra phản ứng khác biệt trước các cú sốc địa chính trị so với các nền kinh tế khác. Do đó, việc nghiên cứu thực nghiệm tác động của GPR đến lợi nhuận và sự ổn định của NHTM Việt Nam không chỉ có ý nghĩa học thuật mà còn mang giá trị thực tiễn cho công tác quản trị rủi ro và hoạch định chính sách.

2. Tổng quan nghiên cứu

Rủi ro địa chính trị là một khái niệm đa chiều phản ánh GPR như là xác suất xảy ra hoặc sự leo thang thực tế của các cuộc xung đột vũ trang và căng thẳng chính trị nghiêm trọng giữa các chủ thể quốc gia (Caldara & Iacoviello, 2022; Grébel & Pesuth, 2024). Có nhiều cách để đo lường rủi ro này, nhưng phổ biến nhất hiện nay là chỉ số GPR. Chỉ số này đo lường bằng cách đếm tần suất xuất hiện của các từ khóa liên quan đến rủi ro địa chính trị trong 11 tờ báo quốc tế có uy tín kể từ năm 1985.

Tác động của GPR đến lợi nhuận ngân hàng

Phần lớn các nghiên cứu thực nghiệm đều ghi nhận tác động tiêu cực của GPR đến lợi nhuận ngân hàng. Banna và cộng sự (2023) phân tích bộ dữ liệu lớn gồm 21.618 ngân hàng quốc tế trong giai đoạn 2010-2021 và kết luận rằng sự gia tăng GPR dẫn đến sụt giảm đáng kể sự ổn định ngân hàng, chủ yếu thông qua kênh suy giảm tỷ lệ vốn và sự biến động gia tăng của ROA. Yıldırım và cộng sự (2022) ghi nhận GPR làm suy giảm lợi nhuận khu vực ngân hàng tại các quốc gia G7.Ở bối cảnh các nền kinh tế mới nổi, Alsagr và Almazor (2020) phân tích dữ liệu từ 19 quốc gia và phát hiện GPR tác động tiêu cực đến lợi nhuận khu vực ngân hàng với hệ số -0,012 ($p<0,05$).

Tác động của GPR đến sự ổn định ngân hàng

Olalere và Mukuddem-Petersen (2024) phân tích 105 ngân hàng thương mại tại nhóm các nước BRICS giai đoạn 2009-2021 và ghi nhận GPR làm giảm đáng kể sự ổn định ngân hàng (đo bằng Z-score) ở mức ý nghĩa 1%. Phan và cộng sự (2022) chỉ ra rằng GPR làm tăng xác suất vỡ nợ từ 6,4% đến 10,82%, chủ yếu thông qua các kênh phân mảnh tài chính, gia tăng rủi ro tái tài trợ và chi phí huy động vốn của 46 ngân hàng tại 10 quốc gia trong giai đoạn 01/2012-11/2023 Topcu và Can (2025) áp dụng hồi quy phân vị bảng cho 18 nền kinh tế mới nổi giai đoạn 2000-2021 và phát hiện rằng GPR tác động bất đối xứng đến sự ổn định ngân hàng theo phân phối điểm số Z.

Khoảng trống nghiên cứu và đóng góp của bài viết

Tổng quan tài liệu cho thấy phần lớn các nghiên cứu hiện có sử dụng dữ liệu cấp độ vĩ mô hoặc dữ liệu tổng hợp của nhiều quốc gia, trong khi phân tích ở cấp độ từng ngân hàng (bank-level) cho các nền kinh tế châu Á đang phát triển còn hạn chế. Nghiên cứu riêng cho Việt Nam gần như chưa tồn tại trong tài liệu học thuật đã được công bố. Nghiên cứu này đóng góp vào tài liệu theo ba hướng: (i) cung cấp bằng chứng thực nghiệm cấp ngân hàng về tác động của GPR trong bối cảnh Việt Nam với dữ liệu cập nhật đến năm 2024; (ii) ứng dụng mô hình SGMM để xử lý đồng thời nội sinh, tự tương quan và dị phương sai trong dữ liệu bảng động; và (iii) phân tích đồng thời hai chiều tác động của GPR - lên lợi nhuận (ROA) và ổn định (LnZ) - nhằm cung cấp bức tranh toàn diện hơn về phản ứng của hệ thống ngân hàng Việt Nam trước các cú sốc địa chính trị.

3. Dữ liệu và mô hình nghiên cứu

Dữ liệu nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng mẫu dữ liệu bảng cân bằng hàng năm của 28 ngân hàng thương mại Việt Nam trong giai đoạn 2013-2024, với tổng số 336 quan sát. Mẫu được lựa chọn bao gồm cả ngân hàng thương mại nhà nước, ngân hàng thương mại cổ phần quy mô lớn và vừa, đảm bảo tính đại diện cho toàn bộ hệ thống ngân hàng Việt Nam. Giai đoạn 2013-2024 được chọn do tính đầy đủ và nhất quán của dữ liệu, đồng thời bao phủ nhiều sự kiện địa chính trị quan trọng như căng thẳng Biển Đông (2014), đại dịch COVID-19 (2020-2021) và xung đột Nga-Ukraine (2022).

Số liệu tài chính của các ngân hàng (bao gồm ROA, EAR, CRE, CIR, LDR và NPL) được thu thập từ báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm của các ngân hàng. Chỉ số rủi ro địa chính trị (GPR) được thu thập từ cơ sở dữ liệu công bố trên trang web chính thức của Caldara và Iacoviello (https://www.matteoiacoviello.com/gpr.htm). Các chỉ số kinh tế vĩ mô (GDP và CPI) được lấy từ báo cáo của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (SBV) và Tổng cục Thống kê. Biến LnZ được nhóm tác giả tự tính toán dựa trên các chỉ số thu thập được.

Mô hình nghiên cứu

Mô hình nghiên cứu được xây dựng nhằm kiểm định tác động của rủi ro địa chính trị đến lợi nhuận (ROA) và sự ổn định (LnZ) của các ngân hàng thương mại Việt Nam:

$$ROA_{it} / LnZ_{it} = \beta_0 + \beta_1(GPR)t + \beta_2 ln(BANKSIZE_{it} + \beta_3 EAR_{it} + \beta_4 NPL_{it} + \beta_5 CRE_{it} + \beta_6 CIR_{it} + \beta_7 LDR_{it} + \beta_8 GDP_t + \beta_9 CPI_t + \varepsilon_{it}$$

Phương pháp ước lượng System Generalized Method of Moments (SGMM) được áp dụng vì phương pháp này giúp xử lý các vấn đề nội sinh, tự tương quan và dị phương sai trong dữ liệu bảng động. Phương pháp này đặc biệt phù hợp với mô hình có biến phụ thuộc trễ

và cấu trúc dữ liệu bảng với số đơn vị quan sát lớn và số thời kỳ nhỏ (Arellano & Bond, 1991). Tính hợp lệ của các biến công cụ được kiểm định thông qua kiểm định Hansen và AR(2).

Bảng 1. Mô tả các biến trong mô hình nghiên cứu

Biến	Đo lường	Công thức / Mô tả	Kỳ vọng ROA	Kỳ vọng LnZ
Biến phụ thuộc				
ROA	Khả năng sinh lời	Thu nhập trước thuế / Tổng tài sản		
LnZ	Sự ổn định	Z-score = Ln[(ROA + EAR) / σROA]		
Biến độc lập				
GPR	Rủi ro địa chính trị	Ln(Số bài báo chứa từ khóa địa chính trị / Tổng bài báo x 100)	-	
Biến kiểm soát			-	
SIZE	Quy mô ngân hàng	Ln(Tổng tài sản)		
EAR	Tỷ lệ vốn chủ sở hữu / Tổng tài sản	Vốn chủ sở hữu / Tổng tài sản	-	
CRE	Tăng trưởng tín dụng	(Cho vay(t+1) - Cho vay(t)) / Cho vay(t)	+	
CIR	Chi phí / Thu nhập	Tổng chi phí ngoài lãi / (Thu nhập lãi + Thu nhập ngoài lãi)	-	
LDR	Cho vay / Tiền gửi	Dư nợ cho vay / Tổng tiền gửi	+	
NPL	Tỷ lệ nợ xấu	Nợ xấu (nhóm 3,4,5) / Tổng dư nợ	+	-
GDP	Tăng trưởng GDP	(GDP(t+1) - GDP(t)) / GDP(t)	+	+
CPI	Tỷ lệ lạm phát	(CPI(t+1) - CPI(t)) / CPI(t)	+	-

Mô tả thống kê của các biến được trình bày trong Bảng 2. Giá trị trung bình của ROA là 0,0092 (độ lệch chuẩn 0,0079), phản ánh mức lợi nhuận tương đối thấp và biến động đáng kể giữa các ngân hàng trong mẫu. Chỉ số LnZ có giá trị trung bình 3,437, với khoảng biến thiên rộng từ -1,75 đến 6,19, cho thấy sự phân hóa đáng kể về mức độ ổn định giữa các ngân hàng. Chỉ số GPR (logarithm tự nhiên) có giá trị trung bình 4,63 với độ lệch chuẩn 0,20, phản ánh sự biến động của môi trường địa chính trị quốc tế trong giai đoạn nghiên cứu.

Bảng 2. Thống kê mô tả các biến

Biến	Quan sát	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Min	Max
ROA	336	0.0092	0.0079	-0.0478	0.0358
LnZ	336	3.4370	0.9263	-1.7496	6.1853
GPR	336	4.6314	0.2008	4.3476	5.0599
SIZE	336	18.9930	1.2171	16.5023	21.7387
EAR	336	0.0856	0.0330	0.0262	0.2383
CRE	336	0.1832	0.1549	-0.9161	1.0681
CIR	336	0.5038	0.1434	0.2270	0.9273
LDR	336	0.9014	0.1681	0.3632	1.5130
NPL	336	0.0214	0.0222	0.0050	0.2975
GDP	336	0.0609	0.0170	0.0255	0.0812
CPI	336	0.0324	0.0134	0.0063	0.0660

Nguồn: Tính toán của nhóm tác giả từ báo cáo tài chính của các ngân hàng và dữ liệu của Caldara & Iacoviello (2022).

Ma trận tương quan giữa các biến trong mô hình cho thấy hầu hết các cặp biến có hệ số tương quan ở mức thấp, điều này chứng tỏ hiện tượng đa cộng tuyến không phải là vấn đề đáng lo ngại và các biến là phù hợp để đưa vào mô hình. Hệ số tương quan cao nhất được ghi nhận giữa GPR và GDP (0,635), phản ánh mối liên hệ giữa chu kỳ tăng trưởng kinh tế và bối cảnh địa chính trị toàn cầu trong giai đoạn nghiên cứu.

4. Kết quả hồi quy và gợi ý chính sách

Kết quả hồi quy

Kết quả ước lượng theo mô hình SGMM được trình bày trong Bảng 3. Mô hình thỏa mãn các điều kiện hợp lệ: số lượng biến công cụ nhỏ hơn số lượng nhóm (24 < 28 đối với phương trình ROA; 22 < 28 đối với phương trình LnZ), kiểm định AR(2) không có ý nghĩa thống kê (p = 0,511 và 0,510), và kiểm định Hansen cho thấy các biến công cụ là hợp lệ (p = 0,074 và 0,520).

Bảng 3. Kết quả ước lượng mô hình SGMM

Biến độc lập	Biến phụ thuộc	
	ROA	LnZ
ROA (t-1)	0.3676***	–
LnZ (t-1)	–	0.9336***
GPR	-0.0033***	
SIZE	0.7753**	
EAR	0.0014***	-0.3244***
CRE	0.0791***	-5.9060***
CIR	-0.0001	
LDR	-1.1300***	
NPL	-0.0077**	
GDP	-2.4338***	
CPI	0.0056***	-0.0049
Số nhóm	-0.0404***	
Số biến công cụ	-23.5447***	
AR(1) p-value	0.0388***	-4.6883
AR(2) p-value	-0.0681	
Hansen p-value	-3.5007	

*Lưu ý: ***, **, * biểu thị ý nghĩa thống kê ở mức 1%, 5% và 10%.*

Kết quả hồi quy xác nhận GPR có tác động ngược chiều và có ý nghĩa thống kê ở mức 1% đến khả năng sinh lời của ngân hàng Việt Nam (hệ số = -0,0033). Cụ thể, khi chỉ số GPR tăng 1%, ROA của các ngân hàng có xu hướng giảm khoảng 0,0033 đơn vị. Kết quả này nhất quán với phần lớn tài liệu nghiên cứu quốc tế (Banna et al., 2023; Yıldırım et al., 2022; Alsagr & Almazor, 2020) và có thể được giải thích qua nhiều kênh truyền dẫn.

Thứ nhất, kênh tín dụng: khi rủi ro địa chính trị gia tăng, các doanh nghiệp - đặc biệt là những doanh nghiệp tham gia vào chuỗi cung ứng quốc tế - thu hẹp hoạt động đầu tư và vay vốn, dẫn đến suy giảm nhu cầu tín dụng. Đồng thời, ngân hàng thắt chặt tiêu chuẩn cho vay để kiểm soát rủi ro, làm giảm thêm doanh thu từ lãi vay (Phan et al., 2022). Thứ hai, kênh chi phí huy động vốn: bất ổn địa chính trị làm tăng tâm lý lo ngại rủi ro, khiến người gửi tiền có xu hướng rút vốn hoặc yêu cầu lãi suất cao hơn, làm tăng chi phí huy động vốn của ngân hàng (Nguyen & Thuy, 2024). Thứ ba, kênh dự phòng rủi ro: trong bối cảnh GPR tăng cao, ngân hàng buộc phải tăng trích lập dự phòng rủi ro tín dụng, trực tiếp làm giảm lợi nhuận trước thuế (Olalere & Mukuddem-Petersen, 2024). Các kênh truyền dẫn này đặc biệt phù hợp với thực tiễn Việt Nam khi các NHTM còn phụ thuộc nhiều vào thu nhập từ lãi vay và đang trong quá trình chuyển đổi sang mô hình kinh doanh đa dạng hơn.

Điều thú vị là kết quả hồi quy cho thấy GPR có tác động cùng chiều và có ý nghĩa thống kê ở mức 10% đến sự ổn định ngân hàng (hệ số = 0,7753), nghĩa là khi chỉ số GPR tăng 1%, LnZ cũng tăng khoảng 0,7753 đơn vị. Kết quả này có vẻ mâu thuẫn với tác động âm lên ROA nhưng thực chất phản ánh một cơ chế kinh tế quan trọng: ngân hàng thực hiện chiến lược phòng thủ trong thời kỳ bất ổn.

Cơ chế giải thích hiện tượng này là: khi rủi ro địa chính trị leo thang, các NHTM Việt Nam có xu hướng thắt chặt tín dụng, hạn chế cho vay rủi ro, tăng cường trích lập dự phòng và duy trì tỷ lệ thanh khoản cao hơn. Các hành động thận trọng này giúp ngân hàng giảm thiểu rủi ro tài chính và duy trì sự ổn định, nhưng đổi lại làm giảm khả năng tạo ra lợi nhuận. Đây là sự đánh đổi (trade-off) kinh điển giữa lợi nhuận và an toàn trong hoạt động ngân hàng, và trong bối cảnh GPR cao, các NHTM Việt Nam đã ưu tiên sự ổn định hơn là lợi nhuận. Kết quả này cũng tương đồng với phát hiện của Stamopoulos (2024) về việc các ngân hàng chủ động điều chỉnh chiến lược khi đối mặt với các mối đe dọa địa chính trị.

Đối với mô hình ROA, hầu hết các biến kiểm soát đều có ý nghĩa thống kê và dấu hệ số phù hợp với lý thuyết. Quy mô ngân hàng (SIZE) có tác động dương (hệ số 0,0014, p<1%), xác nhận lợi thế kinh tế theo quy mô. Tỷ lệ vốn chủ sở hữu (EAR) tác động dương đến ROA (hệ số 0,0791, p<1%), phản ánh vai trò của vốn trong việc tạo đệm hấp thụ rủi ro và duy trì hoạt động hiệu quả. Tỷ lệ nợ xấu (NPL) có tác động âm mạnh (hệ số -0,0404, p<1%), khẳng định chất lượng tài sản là yếu tố quyết định lợi nhuận ngân hàng. Tỷ lệ cho vay trên tiền gửi (LDR) tác động dương đến ROA, cho thấy ngân hàng tận dụng tốt hơn nguồn vốn huy động sẽ có lợi nhuận cao hơn.

Đối với mô hình LnZ, biến lagged LnZ(t-1) có hệ số rất cao (0,9336, p<1%), phản ánh tính bền vững cao của sự ổn định ngân hàng theo thời gian. Quy mô (SIZE) có tác động âm đến LnZ (hệ số -0,3244, p<1%), ngụ ý rằng các ngân hàng lớn hơn có xu hướng chấp nhận rủi ro cao hơn để tối đa hóa lợi nhuận, phù hợp với lý thuyết "quá lớn để thất bại" (too-big-to-fail). Tỷ lệ nợ xấu (NPL) có tác động âm rất mạnh đến LnZ (hệ số -23,5447, p<1%), khẳng định rằng chất lượng tài sản là yếu tố then chốt quyết định sự ổn định của ngân hàng.

Gợi ý chính sách

Từ kết quả nghiên cứu, nhóm tác giả đề xuất một số gợi ý chính sách quan trọng. Thứ nhất, đối với các ngân hàng thương mại: cần xây dựng và thường xuyên cập nhật khung quản trị rủi ro địa chính trị (geopolitical risk framework) để chủ động ứng phó với các cú sốc từ bên ngoài. Kết hợp chỉ số GPR vào các mô hình kiểm định sức chịu đựng (stress testing) và lập kế hoạch tài chính. Đa dạng hóa thu nhập ngoài lãi để giảm sự phụ thuộc vào tín dụng - kênh chịu tác động mạnh nhất từ GPR.

Thứ hai, đối với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam: cần tích hợp theo dõi rủi ro địa chính trị vào khung giám sát an toàn vĩ mô. Xây dựng các cơ chế đệm an toàn vốn phản chu kỳ (countercyclical capital buffer) có tính đến yếu tố địa chính trị. Tăng cường công tác dự báo kinh tế và cảnh báo sớm khi chỉ số GPR có xu hướng tăng mạnh, để chủ động điều chỉnh chính sách tiền tệ phù hợp.

Thứ ba, các ngân hàng cần tiếp tục đẩy mạnh chất lượng tài sản (giảm NPL) và nâng cao tỷ lệ an toàn vốn như các biện pháp phòng vệ cơ bản nhất trước các cú sốc bên ngoài, bao gồm cả rủi ro địa chính trị. Như kết quả nghiên cứu chỉ ra, NPL và EAR là hai biến kiểm soát có ý nghĩa thống kê nhất và mạnh nhất, nhấn mạnh tầm quan trọng của nền tảng tài chính vững chắc trong bối cảnh bất ổn địa chính trị.

Tổng kết: Nghiên cứu này đã cung cấp bằng chứng thực nghiệm về tác động của rủi ro địa chính trị quốc tế (GPR) đến lợi nhuận và sự ổn định của hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam trong giai đoạn 2013-2024. Sử dụng mô hình SGMM với dữ liệu bảng của 28 ngân hàng thương mại, nghiên cứu đã chỉ ra: Thứ nhất, cũng giống như ở các quốc gia khác, sự leo thang của các bất ổn địa chính trị quốc tế có xu hướng bào mòn lợi nhuận của khu vực ngân hàng. Nguyên nhân xuất phát từ sự suy giảm nhu cầu tín dụng, gia tăng chi phí huy động vốn và tăng trích lập dự phòng rủi ro. Đối với rủi ro của hệ thống ngân hàng, rủi ro địa chính trị thúc đẩy sự thận trọng của các NHTM Việt Nam khi các ngân hàng có xu hướng thắt chặt tín dụng, tăng dự phòng và duy trì thanh khoản cao hơn, qua đó duy trì được sự ổn định tài chính nhưng hi sinh một phần lợi nhuận. Đây là bằng chứng về sự đánh đổi có chủ đích giữa lợi nhuận và an toàn trong hoạt động ngân hàng Việt Nam. Kết quả nghiên cứu cũng gợi ý các NHTM Việt Nam xem xét tích hợp rủi ro địa chính trị vào khung quản trị rủi ro ngân hàng cũng như nâng cao chất lượng tài sản và tỷ lệ an toàn vốn như các biện pháp phòng vệ cơ bản nhất trước các cú sốc bên ngoài. Đối với NHNN, kết quả nghiên cứu khuyến nghị tích hợp theo dõi rủi ro địa chính trị vào khung giám sát an toàn vĩ mô qua đó nhằm đảm bảo an toàn cho hệ thống ngân hàng.

Tài liệu tham khảo:

Adel, N., & Naili, M. (2024). Geopolitical risk and banking performance: evidence from emerging economies. The Journal of Risk Finance. https://doi.org/10.1108/jrf-10-2023-0243

Alsagr, N., & Almazor, S. F. V. H. (2020). Oil rent, geopolitical risk and banking sector performance. International Journal of Energy Economics and Policy, 10(5). https://doi.org/10.32479/ijeep.9668

Arellano, M., & Bond, S. (1991). Some tests of specification for panel data: Monte Carlo evidence and an application to employment equations. The Review of Economic Studies, 58(2), 277-297. https://doi.org/10.2307/2297968

Banna, H., Alam, A., Alam, A. W., & Chen, X. (2023). Geopolitical uncertainty and banking risk: International evidence. Social Science Research Network. https://doi.org/10.2139/ssrn.4325966

Bucevska, V., & Hadzi Misheva, B. (2017). The determinants of profitability in the banking industry: Empirical research on selected Balkan countries. Eastern European Economics, 55(2), 146-167.

Caldara, D., & Iacoviello, M. (2022). Measuring geopolitical risk. American Economic Review, 112(4), 1194-1225. https://doi.org/10.1257/aer.20191823

Grébel, S., & Pesuth, T. (2024). Geopolitical risks and the banking sector. Economy and Finance, 11(2), 164-186. https://doi.org/10.33908/EF.2024.2.3

Menicucci, E., & Paolucci, G. (2016). The determinants of bank profitability: Empirical evidence from European banking sector. Journal of Financial Reporting and Accounting, 14(1). https://doi.org/10.1108/jfra-05-2015-0060

Nguyen, T. C., & Thuy, T. H. (2024). Bank wholesale funding in an era of rising geopolitical risk. World Economics. https://doi.org/10.1111/twec.13620

Olalere, O. E., & Mukuddem-Petersen, J. (2024). Geopolitical risk, economic policy uncertainty, and bank stability in BRICS countries. Cogent Economics & Finance. https://doi.org/10.1080/23322039.2023.2290368

Stamopoulos, I. (2024). Geopolitical risk and bank profitability: Evidence from European countries (2013-2023) [Master's thesis]. Utrecht University School of Economics.

Phan, D. H. B., Tran, V. T., & Iyke, B. N. (2022). Geopolitical risk and bank stability. Finance Research Letters, 46, 102453. https://doi.org/10.1016/j.frl.2021.102453

Topcu, M., & Can, U. (2025). Political stability, geopolitical risks, and bank stability. Finance Research Letters, 86, 108889. https://doi.org/10.1016/j.frl.2025.108889

Trinh, H. H., & Tran, T. P. (2023). Global banking systems, financial stability and uncertainty: How have countries coped with geopolitical risk? Social Science Research Network. https://doi.org/10.2139/ssrn.4541043

Yıldırım, F., Berkman, A. N., et al. (2022). The impact of geopolitical risk index on the profitability performance of the banking sector: Evidence from G-7 countries. [Working Paper].